

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2021/DS-PT

Ngày: 08/12/2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng mua bán
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải;**

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Vân;

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi,** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2021/QĐ-PT ngày 28/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 495/2021/QĐ-PT ngày 23/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 700/2020/QĐ-Pt ngày 23/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Võ Thị Thu V, sinh năm 1973; (Có đơn xin vắng mặt)

1.2. Anh Cao Văn D, sinh năm 1968; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp MP, xã LK, thị xã X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D1,** sinh năm 1947; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp MH, xã MHT, thị xã X, tỉnh Tiền Giang.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn **Nguyễn Văn D1,** sinh năm 1947.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Nguyên đơn Bà Võ Thị Thu V và Anh Cao Văn D trình bày:*

Từ trước năm 2017 ông Nguyễn Văn D1 mua cám và thức ăn đến tháng 07/2017 còn nợ ông bà số tiền 110.891.000 đồng ông D1 cam kết trả vốn và lãi suất 3%/tháng tính từ tháng 07/2017 nhưng ông D1 không trả vốn lãi, đến tháng 01/2018 ông D1 trả tiền vốn được 25.000.000 đồng còn nợ số tiền vốn 85.891.000 đồng và tính lãi suất từ tháng 7/2017 đến nay.

Nay ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn D1 trả ông, bà số tiền vốn 85.891.000 đồng và lãi suất từ tháng 7/2017 đến ngày xét xử như sau :

- Số tiền 110.891.000 đồng tính lãi suất 1,6%/ tháng từ tháng 7/2017 đến tháng 01/2018 là 07 tháng được tính:

$110.891.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 12.419.792 \text{ đồng}$

- Số tiền 85.891.000 đồng tính lãi suất 1%/tháng từ tháng 02/2018 đến tháng 12/2020 là 35 tháng được tính:

$85.891.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} = 30.061.850 \text{ đồng}$

- Số tiền 85.891.000 đồng tính lãi suất 1,6%/tháng từ tháng 01/2021 đến tháng 04/2021 là 04 tháng được tính :

$85.891.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 4.122.768 \text{ đồng}$

Số tiền lãi tính đến nay là 46.604.410 đồng, tổng cộng vốn lãi là 132.495.410 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật

Bị đơn ông Nguyễn Văn D1 trình bày: thống nhất trình bày của anh Cao Văn D và bà Võ Thị Thu V, ông mua cám và thức ăn còn nợ chị V, anh D số tiền số tiền 110.891.000 đồng, ông cam kết trả vốn và trả lãi suất 3%/ tháng từ tháng 07/2017 cho anh D chị V nhưng đến tháng 01/2018 ông trả vốn được 25.000.000 đồng, chưa trả lãi còn nợ số tiền vốn 85.891.000 đồng và tiền lãi như anh D chị V tính đến nay là 46.604.410 đồng, tổng cộng vốn lãi là 132.495.410 đồng; ông đồng ý trả anh D, chị V số tiền vốn 85.891.000 đồng, đồng ý trả lãi 46.604.410 đồng, ông xin trả dần số tiền 85.891.000 đồng mỗi tháng 1.000.000 đồng, tiền lãi là 46.604.410 đồng khi nào trả xong tiền vốn ông sẽ trả số tiền lãi.

- Bản án sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 430, 431, 433, 434, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu V và anh Cao Văn D.

Buộc ông Nguyễn Văn D1 trả bà Võ Thị Thu V và anh Cao Văn D số tiền nợ mua cám và thức ăn là 85.891.000 đồng và tiền lãi đến nay là 46.604.410 đồng, tổng cộng vốn lãi là 132.495.410 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Võ Thị Thu V và anh Cao Văn D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn D1 chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 13/4/2021, ông Nguyễn Văn D1 là bị đơn có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: yêu cầu tòa phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã X cho ông trả số tiền vốn nợ thức ăn 85.891.000 đồng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và miễn trả lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn D1 là bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Cao Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng Dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả 85.891.000 đồng tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi và 46.604.410 đồng tiền lãi là có căn cứ đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phân tích và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn D1 đã thực hiện quyền kháng cáo bản án theo đúng trình tự thủ tục quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Chi

Võ Thị Thu V có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xử vắng mặt chị V.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi. Tòa án sơ thẩm xác định “Tranh chấp hợp đồng mua bán” là đúng với tính chất vụ án và thuộc thẩm quyền, phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 280, 357, 430, 433, 434, khoản 3 Điều 440, khoản 1 điều 453 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

Nguyên đơn trình bày: Trước năm 2017 có bán thức ăn chăn nuôi cho bị đơn D nhiều lần thiếu chịu, đến tháng 7/2017 tổng cộng ông Dien còn nợ 110.891.000 đồng. ông D1 viết cam kết trả vốn và lãi suất 3%/tháng, tính từ tháng 7/2017. Nhưng đến tháng 1/2018 ông D1 trả được 25.000.000 đồng vốn rồi ngưng luôn. Nay anh D, chị V Khởi kiện yêu cầu ông D1 trả 85.891.000 đồng tiền nợ và 46.604.410 đồng tiền lãi. Tổng cộng 132.495.410 đồng.

Bị đơn Nguyễn Văn D1 thừa nhận có mua và còn nợ tiền thức ăn chăn nuôi của anh D, chị V như anh D, chị V trình bày: ông D1 xin được trả 85.891.000 đồng tiền vốn mỗi tháng 1.000.000 đồng. Còn tiền lãi 46.604.410 đồng thì khi nào trả xong tiền vốn sẽ trả lãi.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, chị V. Buộc ông D1 trả cho anh D, chị V tiền nợ thức ăn chăn nuôi cả vốn lẫn lãi là 132.495.410 đồng. Không đồng ý quyết định án sơ thẩm ông D1 kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D1 nhận thấy:

[4.1] Nguyên đơn: Võ Thị Thu V, Cao Văn D với bị đơn Nguyễn Văn D1 đều thống nhất xác định, giữa anh D, chị V với ông D1 có quan hệ hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi. Đến tháng 7/2017 hai bên đối chiếu nợ thì ông D1 còn nợ anh D, chị V 110.891.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi. Ngày 04/3/2018 ông D1 trả được 25.000.000 đồng tiền vốn (Bút lục số 16), còn nợ 85.891.000 đồng. ông D1 đồng ý trả số nợ này những xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn không chấp nhận cho ông D1 trả dần, ngoài ra giữa ông D1 chị V, anh D cũng không có nội dung thỏa thuận cho trả nợ dần, hoặc chậm trả nên theo quy định tại điều 280, 433, 434, 440 và 453 của Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận cho ông D1 trả nợ dần như yêu cầu kháng cáo.

[4.2] Về yêu cầu kháng cáo của ông D1 xin miễn tiền lãi vì hoàn cảnh gia đình ông đang gặp nhiều khó khăn, vợ ông bị tai biến, bản thân ông già yếu không còn khả năng lao động, không có thu nhập. Yêu cầu này của ông không được phía nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận được. Bởi lẽ hợp đồng mua bán không quy định bên mua phải chịu lãi suất chậm trả tiền nhưng vào tháng 7/2017 khi đối chiếu nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi, ông D1 ký bản cam kết trả nợ cho anh D, chị V 110.891.000 đồng vốn và chịu lãi chậm trả 3%/tháng số tiền chậm trả. Đến ngày 04/3/2018 ông D1 mới trả được

25.000.000 đồng vốn thì ngưng cho đến nay. Theo khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”. Điều 280 của Bộ luật Dân sự cũng quy định “1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận; 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Do đó ông D1 phải chịu tiền lãi của khoản nợ chậm trả cho anh D, chị V theo quy định trên.

[4.3] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất 1.6%/tháng từ tháng 7/2017 đến tháng 01/2018 là 07 tháng ($110.891.000 \times 1.6\% \times 7$ tháng) thành tiền 12.419.792 đồng.

- Từ tháng 2/2018 đến tháng 12/2020 là 35 tháng ($85.891.000 \times 1\% \times 35$ tháng) thành tiền 30.061.850 đồng.

- Từ tháng 1/2021 đến ngày xử sơ thẩm là 03 tháng, Tòa sơ thẩm ghi 04 tháng là không đúng nên xác định lại như sau: ($85.891.000 \times 1.6\% \times 03$ tháng) thành tiền 4.122.768 đồng.

Tổng cộng tiền lãi phát sinh là 46.604.410 đồng.

Mức lãi suất nợ chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu ông D1 trả là phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định và có lợi cho ông D1 nên vẫn giữ nguyên.

[5] Về án phí:

Ông Nguyễn Văn D1 sinh năm 1947 là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Cho ông D1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Xét nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với quan điểm nhận định của Tòa án nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D1;

Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 18/2021/DSST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã X tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 280, 357, 430, 433, 434, 440, 453 và 468 của Bộ luật Dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu V và anh Cao Văn D. Buộc ông Nguyễn Văn D1 có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Thu V và anh Cao Văn D 85.891.000 đồng tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi và 46.604.410 đồng tiền lãi. Tổng cộng: 132.495.410 đồng.

Kể từ ngày anh D, chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông D1 chậm thi hành án thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn D1 được miễn án phí Dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Trả lại chị Võ Thị Thu V và anh Cao Văn D 3.480.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006767 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 6,7,7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xó X ;
- Chi cục THADS thị xó X ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải